TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 5 - 2019
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đức Thị Minh Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa: Ông Phạm Như Nên – Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2499/2018/TLST - HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 110/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh N, sinh năm 1988.
HKTT: …, khu phố 10, phường H, TP. B, tỉnh Đ.
Địa chỉ liên hệ: …., ấp M, xã Ph, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông Trần Hoàng S, sinh năm 1989.
HKTT: ….., khu phố 10, phường H, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
(Bà N có mặt còn ông S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa** của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thanh N thì bà và ông Trần Hoàng S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 trên cơ sở cả hai tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hố Nai, TP. Biên Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó từ tháng 4/2018, bà cùng các con chuyển về nhà cha mẹ đẻ và sống ly thân với ông S cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vào tháng 08/2018 bà và ông S cùng thống nhất yêu cầu Tòa án "Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" và đã được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Huỳnh Hoàng M, sinh ngày 06/12/2013 và Trần Huỳnh Trúc Nh, sinh ngày 16/4/2016. Ly hôn bà và ông S thống nhất thỏa thuận bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trúc Nh còn ông S trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng M, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án thụ lý mời lên làm việc thì ông S không hợp tác và hiện không còn ở địa phương (nay ông S ở đâu và làm gì thì bà hoàn toàn không biết nên không thể cung cấp thông tin cho Tòa án theo quy định).

Việc ông S không hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ việc. Xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân ông S cũng không có ý hàn gắn nữa. Bởi lẽ, kể từ khi sống ly thân với nhau (từ tháng 4/2018 cho đến nay) ông S không hề quan tâm, hỏi han, thăm nuôi con cái. Do vậy, bà đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ từ việc "Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" sang vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Xin ly hôn" theo quy định của pháp luật. Đồng thời bà xin được thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Trần Hoàng S, sinh năm 1989 để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Huỳnh Hoàng M, sinh ngày 06/12/2013 và Trần Huỳnh Trúc Nh, sinh ngày 16/4/2016. Ly hôn bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Trần Hoàng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.** Tuy nhiên tại đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn đề ngày 20/8/2018 ông S trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Thanh N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 trên cơ sở cả hai tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hố Nai, TP. Biên Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng và không thể hàn gắn được. Do đó từ tháng 4/2018, ông và bà N đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông và bà N cùng thống nhất yêu cầu Tòa án "Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Huỳnh Hoàng M, sinh ngày 06/12/2013 và Trần Huỳnh Trúc Nh, sinh ngày 16/4/2016. Ly hôn ông và bà N thống nhất thỏa thuận bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trúc Nh còn ông trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng M, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thanh N; Về con chung: Giao cả 02 cháu Trần Huỳnh Hoàng M, sinh ngày 06/12/2013 và Trần Huỳnh Trúc Nh, sinh ngày 16/4/2016 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn cả ông S và bà N đều xác định là không có. Tuy nhiên trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông S vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông S nên không đặt là xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 20/8/2018 ông Trần Hoàng S và bà Huỳnh Thị Thanh N có đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Tòa án đã thụ lý yêu cầu của ông S, bà N theo quy định nhưng ông S vắng mặt. Ngày 17/01/2019 bà N có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã ra thông báo về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà N, chuyển việc hôn nhân gia đình thành vụ án và đã tống đạt, niêm yết cho ông S theo quy định. Theo biên bản xác minh ngày 21/01/2019 (bút lục số 39), Công an phường Hố Nai cho biết ông Trần Hoàng S, sinh năm 1989 hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 92/99B, khu phố 10, phường Hố Nai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 20/8/2018 ông Trần Hoàng S và bà Huỳnh Thị Thanh N có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn. Ngày 18/12/2018 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý việc hôn nhân gia đình số 563/TB-TA. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án thụ lý mời lên làm việc thì ông S không hợp tác nên vào ngày 17/01/2019 bà N có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện (bút lục số 25). Tòa án đã ra thông báo về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà N, chuyển việc hôn nhân gia đình thành vụ án (bút lục số 32) và đã tống đạt, niêm yết cho ông S theo quy định.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự: Trường hợp hòa giải đoàn tụ không thành và các đương sự không thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì Tòa án đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và thụ lý vụ án để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N và bị đơn ông Trần Hoàng S đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng ông S đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ theo qui định tại các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt ông S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh N và bị đơn ông Trần Hoàng S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hố Nai, TP. Biên Hòa trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cương quyết xin ly hôn với ông S để trả tự do cho nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông S đã xảy ra trong khoảng thời gian dài, hiện cả hai đã không còn chung sống với nhau (theo đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn – BL số 1,2). Bản thân ông S cũng không có ý muốn hòa giải, hàn gắn cuộc sống vợ chồng điều này thể hiện qua việc ông S đã không đến tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông S là có thật và đã thật sự trầm trọng, có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải cũng không đạt kết quả.

Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, giải quyết cho bà N được ly hôn ông S.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Huỳnh Hoàng M, sinh ngày 06/12/2013 và Trần Huỳnh Trúc Nh, sinh ngày 16/4/2016. Ly hôn bà N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và cháu Nh, tạm thời bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy kể từ khi bà N và ông S sống ly thân với nhau cho đến nay cháu M, cháu Nh do bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng (theo biên bản xác minh ngày 24/01/2019 – BL số 39A), hiện bà N có công việc, thu nhập ổn định, hơn nữa cháu M, cháu Nh đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu M, cháu Nh cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn cả ông S và bà N đều xác định là không có. Tuy nhiên trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông S vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông S. Do vậy, căn cứ theo qui định của pháp luật và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, tách phần tài sản chung và nợ chung giữa bà N, ông S để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này có yêu cầu.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 bà Huỳnh Thị Thanh N phải chịu 300.000đ. Số tiền 300.000đ lệ phí Việc Hôn nhân gia đình ông Trần Hoàng S và bà Huỳnh Thị Thanh N nộp theo biên lai số 009907 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Huỳnh Thị Thanh N. Bà Huỳnh Thị Thanh N còn phải nộp số tiền 150.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần thông báo để ông S đến Tòa án làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông S đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, đối với số tiền 150.000đ lệ phí Việc Hôn nhân gia đình mà ông S đã nộp theo biên lai số 009907 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn với ông Trần Hoàng S.

Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Hoàng M, sinh ngày 06/12/2013 và cháu Trần Huỳnh Trúc Nh, sinh ngày 16/4/2016 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí HNGĐST: Bà Huỳnh Thị Thanh N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 150.000đ lệ phí Việc Hôn nhân gia đình theo biên lai số 009907 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Huỳnh Thị Thanh N còn phải nộp tiếp số tiền 150.000đ.

Sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền 150.000đ lệ phí Việc Hôn nhân gia đình mà ông Trần Hoàng S đã nộp theo biên lai số 009907 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đức Thị Minh Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên